

## KẾT QUẢ KINH DOANH

|            |            |         |         |
|------------|------------|---------|---------|
| Ngày       | 40,000 VNĐ |         |         |
| 31/12/2024 |            |         |         |
| Thay đổi   | 1 tháng    | 3 tháng | 6 tháng |
|            | 0.8%       | 1.3%    | 0%      |

|             |        |     |         |
|-------------|--------|-----|---------|
| DT<br>thuần | 2024   |     |         |
|             | 1,320  | YoY | ▲ 226   |
|             | tỷ VNĐ |     | ▲ 20.7% |

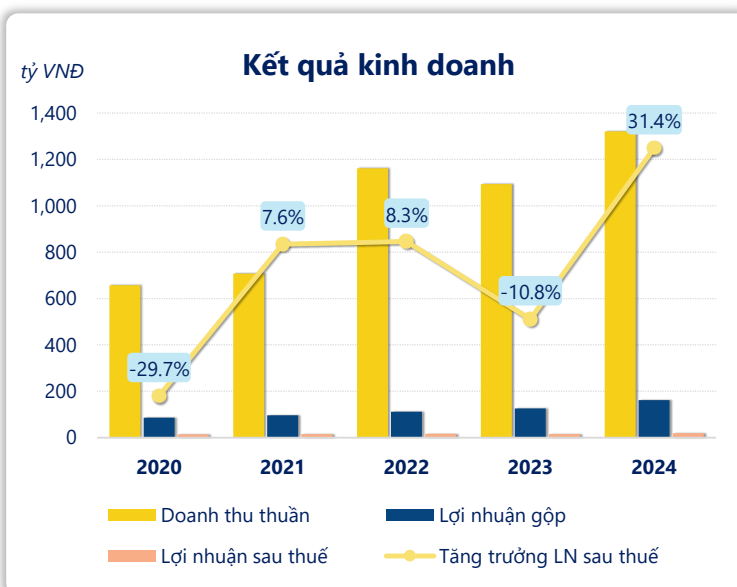
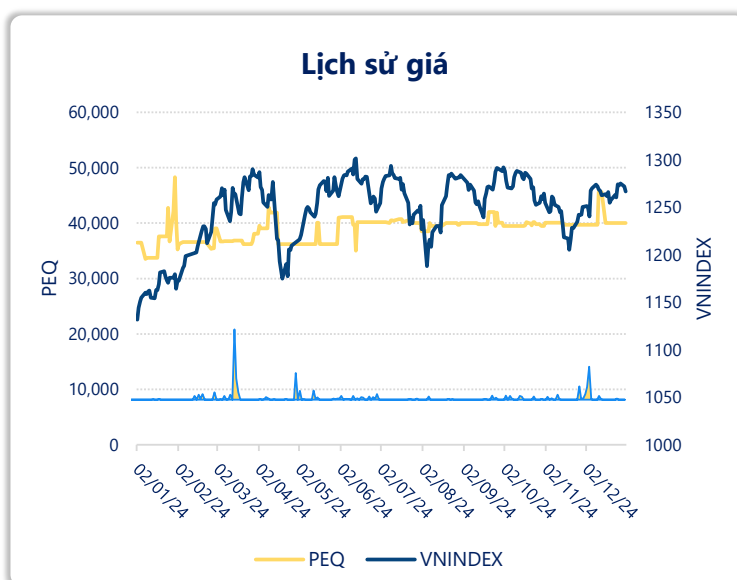
|        |        |     |         |
|--------|--------|-----|---------|
| LN góp | 2024   |     |         |
|        | 162    | YoY | ▲ 37.0  |
|        | tỷ VNĐ |     | ▲ 29.2% |

|             |        |     |        |
|-------------|--------|-----|--------|
| LN<br>thuần | 2024   |     |        |
|             | 22.5   | YoY | ▲ 1.90 |
|             | tỷ VNĐ |     | ▲ 8.9% |

|                |        |     |         |
|----------------|--------|-----|---------|
| LN sau<br>thuế | 2024   |     |         |
|                | 19.9   | YoY | ▲ 4.80  |
|                | tỷ VNĐ |     | ▲ 31.4% |

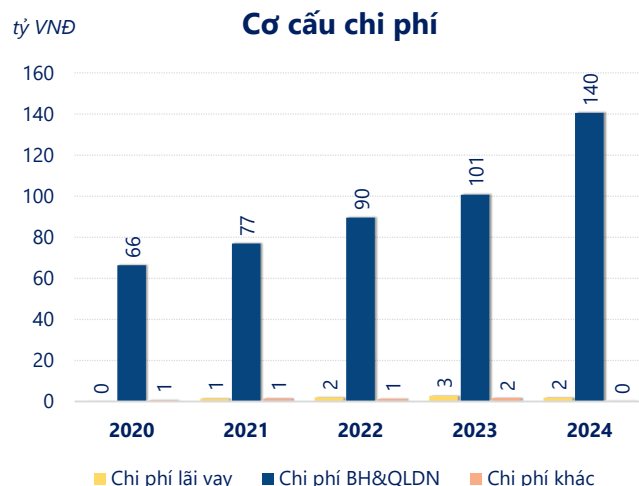
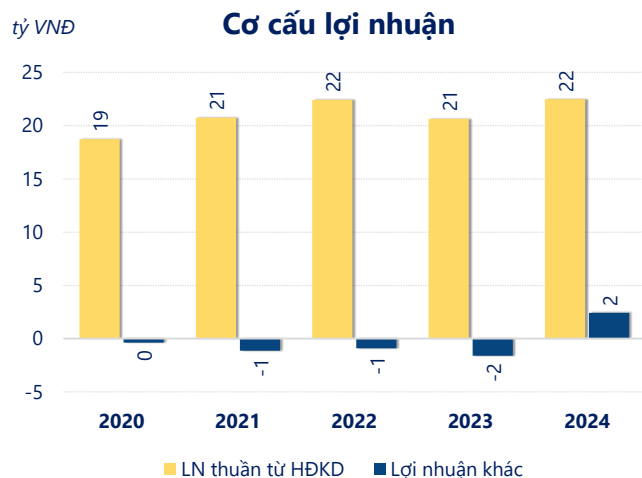
|     |       |         |        |
|-----|-------|---------|--------|
| ROE | 2024  |         |        |
|     | 20.4% | +/- YoY | ▲ 4.1% |
|     |       |         |        |

|     |      |         |        |
|-----|------|---------|--------|
| ROA | 2024 |         |        |
|     | 8.3% | +/- YoY | ▲ 0.7% |
|     |      |         |        |



Kết quả kinh doanh **PEQ** năm **2024**, doanh thu thuần **tăng mạnh 20.7%** đạt **1,320** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 31.4%** đạt **19.89** tỷ đồng.

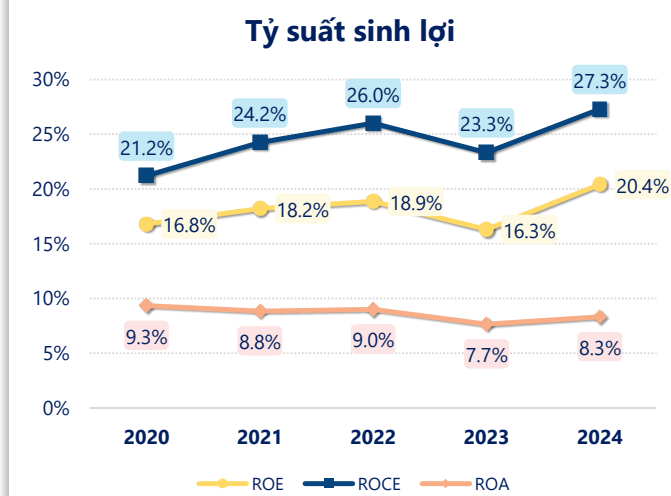
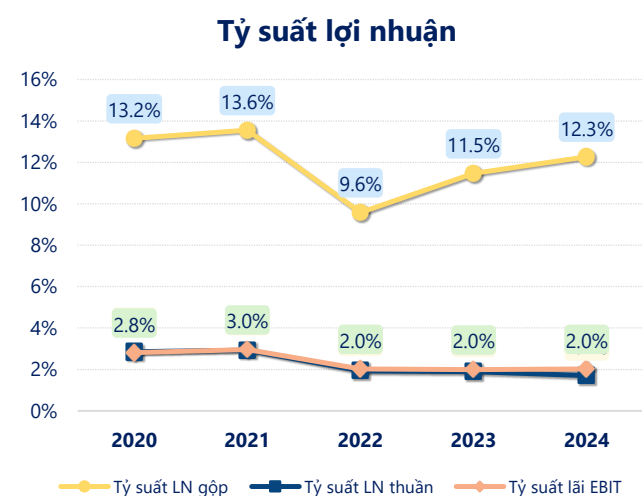
Hoạt động kinh doanh của công ty có sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, cùng với **ROE** khá tốt là **20.4%** cho thấy công ty đang phát triển và có hiệu quả hoạt động ổn định.



Năm **2024**, **PEQ** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **22.48** tỷ đồng, **tăng lên 1.85** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (21.01 tỷ đồng) là 1.48 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

**Chi phí lãi vay giảm xuống** so với năm trước, còn **1.82** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên**, ở mức **140.5** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác bằng 0.30** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

**ROE** của PEQ năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **20.4%**, đây là mức ROE **cao nhất** trong vòng 5 năm gần đây.



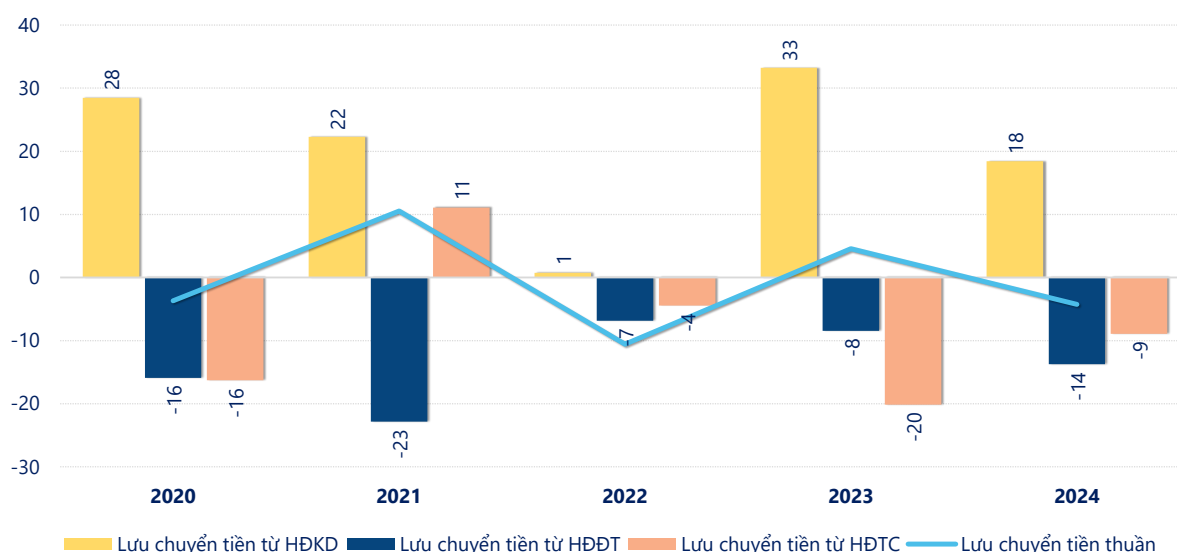
## KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

|                           | 2020        | 2021        | 2022         | 2023         | 2024         |
|---------------------------|-------------|-------------|--------------|--------------|--------------|
| <b>Doanh thu thuần</b>    | <b>657</b>  | <b>708</b>  | <b>1,162</b> | <b>1,094</b> | <b>1,320</b> |
| Giá vốn hàng bán          | 571         | 612         | 1,050        | 968          | 1,158        |
| <b>Lợi nhuận gộp</b>      | <b>86.5</b> | <b>95.9</b> | <b>111</b>   | <b>125</b>   | <b>162</b>   |
| Doanh thu HĐTC            | 0.38        | 3.06        | 4.24         | 1.83         | 3.98         |
| Chi phí TC                | 1.75        | 1.40        | 3.53         | 5.87         | 3.01         |
| <b>Chi phí lãi vay</b>    | <b>0.11</b> | <b>1.33</b> | <b>2.01</b>  | <b>2.75</b>  | <b>1.82</b>  |
| LN trong công ty LKLD     | 0           | 0           | 0            | 0            | 0            |
| Chi phí bán hàng          | 66.4        | 76.9        | 89.5         | 101          | 140          |
| Chi phí QLDN              | 0           | 0           | 0            | 0            | 0            |
| <b>LN thuần từ HĐKD</b>   | <b>18.7</b> | <b>20.7</b> | <b>22.4</b>  | <b>20.6</b>  | <b>22.5</b>  |
| Lợi nhuận khác            | -0.38       | -1.13       | -0.92        | -1.61        | 2.41         |
| <b>LN trước thuế</b>      | <b>18.4</b> | <b>19.6</b> | <b>21.5</b>  | <b>19.0</b>  | <b>24.9</b>  |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b> | <b>14.6</b> | <b>15.7</b> | <b>17.0</b>  | <b>15.1</b>  | <b>19.9</b>  |
| <b>LNST của CĐ cty mẹ</b> | <b>14.6</b> | <b>15.7</b> | <b>17.0</b>  | <b>15.1</b>  | <b>19.9</b>  |

tỷ VNĐ

## Lưu chuyển tiền



**Lưu chuyển tiền thuần** năm 2024 của PEQ bằng **-4.27** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (4.56 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **18.43** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-13.75** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-8.96** tỷ đồng.